

THÍCH TỊNH ĐỘ QUẦN NGHI LUẬN

QUYỂN 2

Hỏi: Vãng sinh Tây phương là do tâm quá khứ sinh, tâm hiện tại sinh hay tâm vị lai sinh?

Nếu nói tâm quá khứ sinh thì tâm quá khứ đã mất không thể nói là sinh? Nếu nói tâm vị lai sinh thì tâm vị lai chưa đến, làm sao nói là sinh? Nếu tâm hiện tại sinh thì tâm hiện tại không trụ, làm sao nói là sinh? Dùng ba đời này để cầu sinh đều không được, vì sao nay lại khuyên sinh Tây phương?

Thích: Đem ba đời để suy, quá khứ đã diệt, tương lai chưa đến, và hiện tại không trụ, không có cái sinh nào đúng lý, giống như bắc đèn, chẳng phải bắc đã cháy trong quá khứ, vì đã tắt; chẳng phải bắc cháy ở vị lai, vì nó chưa sinh; chẳng phải bắc cháy trong hiện tại vì nó không trụ. Chẳng phải không đốt bắc đèn, xóa bóng tối, phát ánh sáng. Niệm niệm tiếp nối nhau, cái cũ này diệt cái mới khác sinh, nối tiếp nhau như dòng nước chảy, trong một thời có bốn công dụng. Xóa bóng tối, phát ánh sáng, dụng cụ nóng đốt, bắc cháy lên, ở đây cũng như vậy.

Do nghiệp cảm Tịnh độ vãng sinh khi thuận thực, Thánh chúng đến đón rước về Tịnh độ, xả bỏ chất dơ bản Ta-bà, thành thân thanh tịnh ở Cực lạc, duyên sinh ba đời, không thường, không đoạn, tuy trở về các pháp vắng lặng, nhưng nghiệp báo y nhiên, các pháp vô sinh, sinh tử nối nhau, không bị hư hoại thể đế, kiến lập Đế nhất nghĩa đế, tức là nghĩa ấy. Nên

kinh Duy-ma nói: “Đại sĩ Tịnh Danh gạn hỏi ngài Thân Tử rằng:

- Pháp mà Ngài đã được có tướng mất-sinh không?
Xá-lợi-phất đáp: Không có mất-sinh.

Duy-ma-cật hỏi: Nếu các pháp không có tướng mất-sinh, thì tại sao hỏi: “Ông từ chỗ nào sinh đến đây?” Đây là nói rõ về Đệ nhất nghĩa đế, các pháp vắng lặng, không đi, không đến, nên nói là không có mất sinh.

Kinh nói: “Có thể giới tên là Diệu Hỷ, Phật hiệu Vô Động, Duy-ma-cật ở nước Diệu Hỷ mất đi mà sinh đến đây.” Duy-ma-cật nói: “Mất” là tướng bại hoại pháp, luống dối, “sinh” là tướng nối nhau của pháp luống dối. Đây là nói Thế đế giả danh, chẳng phải tướng sinh diệt thật. Nay khuyên xả bỏ cõi dơ bản này, sinh về Tịnh độ kia, nhưng trong Đệ nhất nghĩa đế, ba đời suy ra điều đó, hoàn toàn không có nghĩa vãng sinh. Thế đế là nhân duyên, sinh diệt là giả danh, hoàn toàn không xả bỏ Ta-bà này để vãng sinh cõi Phật. Thân tử đâu được biện luận lý Đệ nhất nghĩa đế để phá hỏng tác dụng của các thứ nhân quả thế đế? Chỗ này cũng có nói trong môn Nhân quả thế đế, khuyên vãng sinh Tịnh độ.

Hỏi: Kinh Kim cang Bát-nhã có câu kệ:

*Nếu dùng sắc thấy ta
Dùng âm thanh tìm ta
Người này hành tà đạo
Không thể thấy Như Lai.*

Lại nói: “Lìa tất cả tướng, tức gọi chư Phật.” Vậy tại sao nay lại quán Phật hữu tướng, hành tà đạo, mà

nguyện cầu vãng sinh? Đây thật là khó hiểu!

Đáp: Bát-nhã, kinh Quán đều là Thánh giáo, quán tướng, vô tướng, đều là lời phi phạm, nói xen lẫn là tà, rất có chỉ thú, không thể dựa theo Bát-nhã mà chê bai kinh Quán, vì sao chỉ mang ý niệm tin hay chê lẫn nhau, tự thành tội nặng, cũng chính là đối với Thánh giáo của Phật chưa hiểu dung thông. Vì sao? Hai bộ kinh này, từ con người, việc học, cho đến chỗ hiểu đều khác nhau, thành ra thuyết này.

Do người: Người có căn cơ cạn cợt, chưa thể quán lý, thì dạy họ quán sắc, quán báo thân, hóa thân; Người có căn cơ sâu, có thể quán được thật tướng, thì dạy họ quán vô tướng, quán pháp thân. Người cạn học sâu thì pháp sâu chẳng phải là thuốc, cam lộ yếu mạng, kinh có nói thật; người căn sâu học cạn, thì không tiến đạo được, gọi là thoái nghiệp, làm sao có thể tiến tu? Nên Phật đối với hai căn cơ đó mà nói hai giáo này.

Do học: Người mới học, bắt đầu vào đạo, quán hạnh vẫn chưa hiểu, chưa thể học sâu nên không thể dạy cho họ quán Thật tướng, phải dạy họ quán sắc, điều luyện tâm của họ, sau đó học mới thành, tiến lên tu vô tướng. Ví như xuống biển, từ cạn xuống sâu, người học lâu, mới có thể học tiến lên được. Quán vô tướng kia là ngăn chặn sắc tướng của người mới học kia, được bước lên hạnh đó, chê cái trước là tà, chẳng phải nói đây thuộc về tà kiến. Như người bôn sên học bồ thí, cái chướng bôn sên đã tiêu trừ, trệ vào việc tu ban đầu, Phật muốn khuyên họ tiến lên học giới, nếu không dẹp cái trước thì do đâu mà học tập cái sau, nên

chê bố thí, khen ngợi hạnh trì giới. Đây là Đại Thánh khéo thích hợp vật cơ, người ngu không biết, chấp văn mê nghĩa. Nay nói tà đạo, lý cũng giống như ở đây.

Do hiểu: Như biết sắc tức không, thì quán sắc chẳng phải tà; nếu mê sắc bất không thì quán sắc là tà; nếu biết không tức sắc, thì quán không chẳng phải tà; nếu biết không khác sắc, thì quán không là tà. Đây là hiểu lầm đường khác, tự chia ra xấu đẹp, quan hệ thế nào từ hai cảnh sắc không để phân biệt tà chánh? Nếu ông hiểu được tông đồ này, thì thường quán sắc mà luôn chánh, nếu mê chỉ thú này, thì dù quán không, vẫn là tà. Lành thay diệu chỉ, xin hiểu rõ tận cùng của nó.

Hỏi: Kinh Kim cang Bát-nhã nói: “Như Lai không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, nên gọi là Như Lai.”

Kinh Duy-ma nói: “Ta quán Như Lai, mé trước không đến, mé sau không đi, nay là không trụ.” Văn-thù-sư-lợi nói: “Không trụ cũng không đi, không lấy cũng không bỏ, xa lìa sáu nhập, kính lễ vô sở quán.” Ý cứ theo đây, các bậc Thánh Đại thừa dạy: “Phật vốn không đến cũng không đi”, vì sao kinh Quán nói: “Có Hóa Phật đến đón, theo hóa Phật mà vãng sinh?” Có đến có đi là trái với kinh rồi?

Thích: Thật tướng sâu xa, diệu lý bình đẳng; pháp thân Như Lai, vốn không sinh diệt. Vì bản nguyện Phật, vô hạn đại bi, tiếp dẫn chúng sinh, từ chân thật khởi ra biến hóa. Như Lai trong các thế giới ở mười phương tiếp dẫn, ba bậc chín phẩm, vì biến hóa tức là chân thật, không đến, không đi, nhưng tùy cơ ứng vật,

nên có đi có đến. Trước kinh căn cứ hóa thân có Thật, nên nói không đến, không đi. Kinh Quán căn cứ từ thật trở về hóa, nên hiện ra có đi có đến.

Hơn nữa, Tây phương có giải thích rằng: “Sự thật không có Phật từ Tây phương đến đây, đưa tay đón rước, cũng không có Phật dẫn chúng sinh kia vãng sinh Tịnh độ, nhưng do công đức bản nguyện từ bi của Như Lai làm năng lực tăng thượng duyên, nên khiến chúng sinh có duyên với Phật, niệm Phật, tu ba thứ phước, mười sáu pháp quán, các công đức... làm nhân duyên, từ trong tâm hiện ra Đức Phật A-di-đà đến đón rước, hành giả theo Phật vãng sinh. Nói Đức Phật kia, đến, nhưng không phải thật đến, mà là hạt giống công đức cùng với chỗ hóa sinh hợp đúng thời cơ, khiến thấy có Hóa Phật đến đón, nên nói đến, chứ thật sự không có đến. Công đức và bi nguyện của Đức Phật A-di-đà vắng lặng thường tịch, không đi không đến, thức tâm của chúng sinh gá vào thắng lực công đức bản nguyện của Phật, từ trong tâm biến hiện có đi có đến, đón rước hành giả, thấy có qua lại, là tướng phần của tự tâm, chẳng có liên quan gì đến Phật cả. Nên trên đây kinh nói không đến không đi, là nói theo công đức của Phật, còn kinh Quán nói có đến có đi là nói theo tâm tướng chúng sinh.

Lại còn giải thích rằng: Như Lai ứng cơ, cũng hiện các hóa thân trong mười phương đến đón rước chúng sinh vãng sinh, chứ Hóa Phật kia từ kính trí đại Bi của Phật hóa hiện ra nên nói các Đức Phật kia sai hóa Phật đến đón. Nhưng sai hóa Phật đến đón như trống trời Ma-ni, không nghĩ mà thành việc. Nhưng thân hóa

hiện có đi có đến, mà nói không đi, không đến, có lẽ là nói theo thật, ở trước đã giải thích rồi.

Hoặc đứng về mặt sinh diệt, niệm niệm không dừng, sinh rồi liền diệt, không thể di động, ngay nơi đó sinh, ngay nơi đó diệt, chỗ khác sinh, chỗ khác diệt, dường như nối tiếp nhau, giả nói đến, đi, như cái vòng lửa, chẳng phải tướng vòng tròn, giả nói có đến, đi. Thật ra thì không có đến đi. Nên trong luận Vật Bất Thiên, Triệu Pháp sư nói:

*Gió bay núi tuyết mà thường tĩnh,
Nước sông đổ gập mà chẳng trôi,
Bụi trời lãng xăng mà chẳng động
Trăng qua bầu trời mà chẳng đi.*

Vì sự sinh diệt này mau chóng, nên không thể dời động được.

Hỏi: Kinh Niết-bàn nói: “Bỏ sắc vô thường, giữ lấy sắc thường. Thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như vậy.”

Lại nói: “Chư Phật là thầy nói pháp. Vì pháp thường, nên chư Phật cũng thường.” Đây tức là ba thân bất động không dời đổi, nay mới nói sinh diệt không dừng, nghĩa này thế nào?

Thích: Sự tranh luận này không phải mới có hôm nay. Một số Đại đức, học giả Niết-bàn nói: “Ba thân ngang nhau, thường bất sinh bất diệt, dẫn rộng các kinh Niết-bàn và kinh Bồ-tát Bốn Nghiệp Anh Lạc chứng ba thân đều thường, chỗ này phần nhiều là y theo giáo. Cũng có một số Đại đức y theo luận Nhiếp Đại thừa giải thích Phật có ba thân, thường có ba thứ:

- Ngưng nhiên thường là Pháp thân của Phật.

- Bất đoạn thường là thân Thọ dụng của Phật.
- Tương tục thường là Biến hóa thân của Phật

Tuy gọi là thường nhưng nghĩa khác nhau, hai thân sau (thân Thọ dụng và thân Biến hóa) từ sinh nhân sinh ra. Luận Bát-nhã nói: Báo thân, Hóa thân, từ sinh nhân sinh ra, các tạo tác đều vô thường. Nếu là bất động thì phải đồng pháp thân, chứng liễu nhân thì phải phi âm, cũng không có duyên lự, ngôn thuyết, động tác, dùng các nghĩa lý này để suy thì chẳng phải bất động thường. Như luận Duy Thức rộng thành lập. Còn đứng về “Biến Kế Sở Chấp” thì chúng sinh vọng chấp Phật có đến, đi. Vì phá vọng chấp ngoài tâm có Phật, có qua có lại, để phá vọng tình, nên kinh nói: “Không đến, không đi”. Kinh Duy-ma-cật nói: “Lành thay! Văn-thù-sư-lợi, không hề đến mà đến, không hề thấy mà thấy.”

Nay kinh Quán nói: “Có qua lại, không trái với các kinh Đại thừa.” Mỗi kinh căn cứ một nghĩa, đều là khéo nói.

Hỏi: Kinh Pháp Cú nói: “Phật dạy Bồ-tát Bảo Minh rằng: “Này thiện nam! Ông hãy quán danh tự chư Phật này, là có hay không? Là thật hay không? Này thiện nam! Nếu danh tự là có, thì nói cho người ăn phải được no đủ. Nếu ăn no đủ rồi thì tất cả sự ăn uống không còn tác dụng. Vì sao? Vì khi ăn no rồi thì không cần ăn nữa.”

Xét nghĩa kinh này, muốn nói danh tự tánh không, thì không thể giải thích các pháp. Nay đã dạy người chuyên xưng danh hiệu Phật, tiêu trừ trọng chương, vãng sinh Tây phương, vì sao có thuyết khác nói ăn

mà bụng no, nói uống mà hết khát?

Thích: Theo các kinh điển nhiệm màu của Đại thừa, đều nói danh từ là hư giả, không có thật. Nên kinh nói: “Tính của văn tự là xa lìa, không có văn tự”. Lại nói danh nghĩa làm khách lẫn nhau, Bồ-tát nên tâm tứ. Nhưng im lặng không nói, lặng lẽ ngồi yên, nếu muốn nắm bắt bên cạnh thì không đắc đạo, ngài Tu-bạt-ma chứng quả, tuy có thể nói khác, nhưng không thể nói ăn mà được no. Tên chung có giải thích rõ ràng và nhờ lời nói mà hiểu được lý. Nhờ lời nói mà hiểu lý, dụ như dùng ngón tay chỉ mặt trăng, danh tự tánh không, nên phải bỏ thuyên.

Phật vì người ngu chấp trước, duyên theo danh mà sinh mê hoặc, hoặc thương, hoặc giận, tạo đủ tội lỗi, mắng ta, khen ta, khởi sinh, khởi sát, tạo đủ mọi nghiệp ác, điên đảo rơi vào ba đường, nên vì phá hoặc tình kia mà nói văn tự hư giả. Dù có khen chê, đâu có vinh nhục gì cho thân ông? Nếu nói nhờ khen ngợi mà thân ông được vinh hoa, vì chê bai mà hình chất của ông bị tổn hại thì cũng phải nói ăn được no, nói lửa đốt thân, dù suốt ngày miệng nói mùi vị thơm ngon, nhưng không tránh khỏi khốn khổ đói khát; cả đêm nói đốt lửa lớn, không thấy cái họa của đốt thân. Nên biết rằng thể của danh tự trống rỗng, vốn không chân thật, phàm phu không hiểu, luống khởi ghét thương, tranh danh đoạt lợi, đắm chìm đường ác.

Nếu nói danh từ vô dụng thì không thể giải thích thể của các pháp, cũng nên gọi nước lửa đến, sai nam nữ đến. Họ nhất nhất mời gọi, không có sai lệch. Nên biết nom chẳng phải không, cá thỏ đều ở đây mà

được. Nên khiến Phạm vương khải thỉnh xoay bánh xe chánh pháp, Đại Thánh ứng cơ, nói rộng diệu chỉ. Áo chỉ của ba tạng xán lạn ở Long cung, mười hai bộ kinh rực rỡ ở Linh Thứu, trời người Phạm Thánh đều lãnh thọ, năm đường, bốn sinh đều vâng lời di huấn, nghe đọc tụng, lợi ích sâu rộng, xưng niệm danh Phật, vãng sinh Tịnh độ, cũng không được chỉ nói danh tự là hư giả, không có giải thích.

Hỏi: Luận Du-già sư địa nói: “Bồ-tát Tam địa mới sinh Tịnh độ” Nay khuyên phạm phu, Thanh văn Địa tiền vãng sinh là có ý gì?

Thích: Các văn kinh luận nói vãng sinh Tịnh độ, mỗi chỗ đều căn cứ một nghĩa, lấy bỏ khác nhau, hoặc trên hoặc dưới, người luận khác nhau. Tịnh độ có thô diệu, hơn kém, các thứ thù dị khác nhau, được vãng sinh cũng có các thứ bậc thượng hạ, cũng như kinh Nhân Vương nói: Duy một mình Phật ở Tịnh độ, Tam hiền Thập Thánh ở quả báo độ, đây tức nói từ Thập địa trở xuống không được sinh Tịnh độ, do Tịnh độ hiện ra trong Đại viên kính trí của Phật là vô lậu nên gọi là tịnh. Các Tịnh độ vi diệu do bản thức của từ Thập địa trở xuống biến ra là hữu lậu nên không gọi là tịnh. Do thức thứ tám là thức quả báo nên cõi biến ra gọi là quả báo độ. Nếu dựa theo việc tu hành thí, giới, xa lìa định chướng vô lậu, hay lấy định lực mà thọ sinh tự tại nơi mọi Tịnh độ, tức là Bồ-tát tam địa được định tự tại. Cho nên luận Du-già nói: Bồ-tát tam địa mới sinh Tịnh độ. Nếu dùng trí vô phân biệt đã chứng đắc mà đoạn trừ hai chấp nhân, pháp và phiền não kiến đạo, chứng đắc biến mãn pháp giới, ngộ được bách pháp minh

môn, được sinh Tịnh độ Phật, thì từ Sơ địa trở lên được sinh Tịnh độ. Nếu dùng bản nguyện đại Bi dẫn dắt tất cả chúng sinh phàm phu ngu muội cho đến hạng ngũ nghịch thập ác hạ phẩm hạ sinh phát tâm Bồ-đề thì tất sẽ được vãng sinh như trong kinh đã nói. Không thể chỉ dựa vào luận Du-già nói Tam địa được sinh, tức nói Sơ địa và Nhị địa Bồ-tát không được sinh Tịnh độ. Đức Phật thọ ký Bồ-tát Long Thọ đấng sơ địa được sinh thế giới Cực lạc Tây phương, há lại nói chưa đến Tam địa không được sinh Tịnh độ thì trái với kinh này. Lại nữa, Bồ-tát sơ địa, theo kinh Nhân vương nói được bách pháp minh môn, thấy trăm Tịnh độ Phật vì sao nói không được sinh Tịnh độ? Kinh Hoa Nghiêm nói: “Phàm phu sơ phát tâm, Bồ-tát nguyện sinh Tịnh độ, liền được vãng sinh.” Nên biết luận Du-già văn riêng y cứ nhất tướng, được định tự tại, lìa tướng mà nói.

Hỏi: Luận Nhiếp Đại thừa, luận Đôi pháp, các đại luận sư như Vô Trước, Thiên Thân giải thích các kinh luận, các thứ văn nghĩa có bốn ý thú, bốn bí mật, nói chỉ do phát nguyện mà được vãng sinh Tây phương, đây là biệt thời ý, nay khuyên người tu nghiệp Tây phương liền được vãng sinh, đâu có lẽ đó? Từ Nhiếp luận đến nay, có hơn một trăm năm, các Đại đức đều thấy luận văn này, không tu Tây phương Tịnh nghiệp, nay nói được vãng sinh, há chẳng phải trái với kinh này sao?

Thích: Nhiếp luận nói: “Chỉ do phát nguyện mà được vãng sinh, đây là biệt thời ý.” Nhưng xưa nay các Đại đức đều dùng văn này để chứng minh đây là ý của biệt thời này nói chưa được sinh ngay. Nay xét

văn này, chứng tức được vãng sinh, hiển rõ ý của luận chủ. Vì sao? Vì luận nói: Chỉ do phát nguyện, là nghĩa chọn lựa hành trì, chọn hạnh niệm Phật, giữ lấy chỉ phát nguyện rộng không lại không hành trì, ít có nguyện này. Cho nên nói “chỉ do phát nguyện”. Nếu chỉ phát nguyện mà được vãng sinh, đây tức là biệt thời ý. Chẳng phải khi phát nguyện, cuối cùng liền được sinh Tịnh độ. Cho nên nói là biệt thời.

Thời nay, người chí tâm niệm Phật, tức là hạnh ý nghiệp thiện; xưng danh hiệu Phật, tức hạnh ngữ nghiệp thiện; chấp tay lễ bái, tức hạnh thân nghiệp thiện. Do hạnh ba nghiệp thiện này, có công năng diệt tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử, hạnh và nguyện giúp nhau, liền được vãng sinh, đây há chỉ là nguyện sao? Thuyết này của luận chủ, nói chỉ do phát nguyện, ý hiển lộ gồm cả hạnh, chẳng phải ý của biệt thời, hoặc không tìm kỹ văn nghĩa, mơ hồ nói chung là biệt thời. Nếu dùng tâm niệm Phật thì hạnh cũng là biệt thời, văn luận nguyên nhân nào không nói niệm A-di-đà Phật được sinh Tây phương, đây là biệt thời ư? Đã không nói lấy niệm Phật, tu mười sáu pháp quán hành, ba thứ phước thiện làm giáo của biệt thời, nên biết niệm Phật vãng sinh Tây phương, chẳng phải là biệt thời ý.

Có người giải thích rằng: Niệm Phật, tu mười sáu phép quán, tức là phát nguyện? Lại có người khác giải thích: Luận sư tuy nêu nguyện rằng: Ý vừa giữ lấy niệm Phật, vừa là biệt thời ý. Nay có một giải thích nữa rằng: Hiển rõ lợi ích? Là giải rõ nghĩa? Nếu làm rõ lợi ích, mà giải thích văn này, càng làm cho vô lượng

chúng sinh trôi lăn trong cõi uế, trôi lăn trong ba đường, không được vãng sinh Tịnh độ, ra khỏi sinh tử. Nếu người giải nghĩa, xem kỹ câu văn chọn nghĩa, còn e không hợp với tông đồ, giải thích văn luận một cách mơ hồ, trái lại đem đến sự sai lầm đối với chỉ thú? Như luận Câu-xá nói: Các bộ đua nhau giải nghĩa, dẫn Thánh giáo Phật, đặt ra chỉ quy, lấy bỏ một chữ, hai chữ, để thành các bộ được mất, hướng chi các giáo như kinh Quán... trình bày đầy đủ các hạnh môn, hoặc nói về ba thứ phước tán thiện là chánh nhân của Tịnh độ, hoặc nói mười sáu diệu quán là chánh nghiệp của Tịnh độ Tây phương, vì sao lại đem góp chung làm văn phát nguyện?

Còn sở dĩ được biết các Luận sư không cho niệm Phật là biệt thời ý, chỗ này có tám nghĩa:

Luận sư giải thích kinh, vốn cho rằng kinh khó hiểu là giáo lý rất sâu xa, phàm phu đọc không thể hiểu nổi, nên mới soạn luận để giải thích lời Phật dạy, để giúp cho kẻ trí, người ngu đều biết, như kinh Quán, kinh Vô Lượng Thọ và kinh A-di-đà đã nói, niệm Phật A-di-đà được sinh Tây phương, văn nghĩa rõ ràng, trí ngu đều hiểu, đâu cần dụng chỗ không rõ phải luận thích ư?

Tỳ-kheo Pháp Tạng phát bốn mươi tám lời thệ nguyện tiếp dẫn chúng sinh, muốn cho họ sinh về Tịnh độ của Phật, đâu có đem biệt thời ý mà phát nguyện rộng lớn tiếp dẫn chúng sinh? Trong nguyện đó nói: “Nếu người niệm Phật không được vãng sinh, thì ta không thành Chánh giác, không nói chỉ có người phát nguyện không được vãng sinh, không thành Chánh

giác. Nên biết hạnh niệm Phật... chắc chắn được vãng sinh, nhập vào bốn mươi tám nguyện, chẳng phải biệt thời. Chỉ do phát nguyện, không vãng sinh, không ở trong bốn mươi tám nguyện, nên là biệt thời ý.

Kinh xưng tán Tịnh độ, hằng sa chư Phật mười phương biểu lộ tướng lưỡi rộng dài, chứng đắc vãng sinh, đâu có chứng biệt thời ý. Chư Phật duỗi lưỡi vốn vì những chúng sinh khó tin, nghi ngờ công đức niệm Phật ít, khi qua đời liền được vãng sinh Tịnh độ sinh nghi báng, nên chư Phật hiện tướng lưỡi không luống dối, phát ra lời nói thành thật, khiến chúng sinh đều thấy tướng nghe nói, bỏ được nghi mà sinh lòng tin. Mới nói giáo biệt thời, chưa được sinh Tây phương này, sau khi đến Sơ địa mới được sinh, chúng sinh có nghi ngờ, cần phải có tướng lưỡi của Phật dài ra, để chứng minh vãng sinh Tây phương ư?

Kinh A-di-đà trước khuyên chúng sinh phải nên phát nguyện sinh về nước kia, sau dạy xưng niệm danh hiệu Phật một ngày cho đến bảy ngày, tức nói Thánh chúng đến đón rước người qua đời, hành giả được sinh. Nếu nói niệm Phật tức là nguyện, ý nói trước đã khuyên khiến người đó phát nguyện, sau làm sao phải dạy khiến họ niệm Phật? Nên biết văn trước là nguyện, văn sau là hạnh, hạnh nguyện giúp nhau, được sinh Tịnh độ, đâu cho niệm Phật mà là nguyện ư?

Luận Tịnh độ và Nhiếp luận đều do Bồ-tát Thế Thân soạn, nhưng cho Thế Thân soạn luận Tịnh độ tức nói niệm Phật được sinh Tây phương, chẳng phải biệt thời ý, Nhiếp luận mới nói niệm Phật bằng với biệt thời ý này, chẳng phải liền được vãng sinh ư? Hai vị

soạn luận như thế, cho phép hai sư ý biệt, cần gì Nhiếp luận được chỉ thú kinh, (còn) luận Tịnh độ mê Thánh ngôn đó? Huống chi hai bộ luận đều do Thế Thân soạn, cho nên văn nghĩa chẳng mâu thuẫn, vì luận cầu ở ý người, nên biết nguyện là biệt thời.

Luận Tịnh độ nói có năm môn:

1. Môn thân nghiệp lễ bái.
2. Môn khẩu nghiệp niệm Phật.
3. Môn ý nghiệp quán sát.
4. Môn phát nguyện.
5. Môn hồi hướng.

Nếu tu hành tức là phát nguyện, ba nghiệp hành trước và môn phát nguyện thứ tư, có gì khác nhau? Nếu là một thì phải không có năm môn; nếu là khác thì nên biết trước là hành môn.

Luận Khởi Tín do Mã Minh soạn, nói người niệm Phật được sinh Tây phương, chính là hành môn, chẳng phải biệt thời ý. Nên biết ý của luận do Thiên Thân soạn cũng giống, nhưng không lấy các môn như niệm Phật... làm biệt thời ý. Như Bồ-tát Mã Minh soạn luận Khởi Tín, dạy Bồ-tát Sơ Học rằng: “Có tám nhân duyên mà soạn luận này, đến duyên thứ bảy, là chỉ dạy phương tiện chuyên niệm, sinh ở trước Phật, chắc chắn không lui sụt tín tâm. Lại nữa, chúng sinh mới học pháp này, muốn cầu chánh tín, tâm họ yếu hèn thấp kém, vì trụ ở thế giới Ta-bà này, sợ không thể thường gặp chư Phật, đích thân thờ phụng cúng dường, lo sợ nghĩa tín tâm khó thể thành tựu, ý muốn lui sụt. Nên biết Như Lai có phương tiện thù thắng, nhiếp hộ tín tâm, nghĩa là dùng nhân duyên chuyên niệm Phật, tùy

nguyện được sinh, cõi Phật ở phương khác, thường được thấy Phật, xa lìa hẳn đường ác. Như Tu-đa-la nói, nếu người chuyên niệm Phật A-di-đà ở thế giới Cực lạc Tây phương, tu các gốc lành, hồi hướng nguyện cầu sinh về thế giới kia, liền được vãng sinh, thường thấy Phật, không bao giờ lui sụt. Nếu quán thấy pháp thân chân như của Đức Phật kia, thường khuyên tu tập, cuối cùng được vãng sinh, trụ trong chánh định.”

Nếu cho niệm Phật chẳng phải là hạnh, thì ba phước, mười sáu pháp quán, là hạnh hay chẳng phải hạnh? Nếu là hạnh thì như trong pháp quán đất nói thực hành quán này, trừ tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử, xả thân vào đời khác, được sinh về nước Phật thanh tịnh, tâm không nghi ngờ. Niệm Phật A-di-đà cũng ở trong mỗi niệm diệt được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử, được sinh Tây phương. Vì sao diệt tội thì đồng, mà hạnh kia thì đúng còn hạnh này thì sai? Kia được sinh, đây không được sinh ư?

Nếu đều là phi hạnh thì phu nhân Vi-đề-hy và năm trăm thị nữ, được Phật thọ ký vãng sinh là nhờ tu các pháp quán này mà được vãng sinh. Nếu do các pháp quán này được vãng sinh, ở đây đã không hành, thì làm sao được sinh? Nếu khởi quán được sinh, thì vì sao phu nhân phải thỉnh nói pháp bất sinh, Như Lai nói pháp bất sinh ư? Còn nếu đều là nguyện môn, thì lẽ ra chỉ là một trong số đó, đâu cần phân biệt thành mười sáu pháp quán ư? Lại vì hiểu như thế, chẳng phải hiểu văn kinh, cũng là phá hủy chánh kiến, tự làm tổn hại mình mà còn làm tổn hại người khác, đối với người,

đối với pháp, hoàn toàn vô ích.

Hỏi: Nếu chỉ phát nguyện là biệt thời ý. Thì như thế nào là biệt thời ý?

Đáp: Phật vì chúng sinh phiền não lầy lừng, trôi lăn sinh tử, đắm chìm trong biển khổ, không hẹn ngày ra khỏi, thế nên xung tán thế giới Cực lạc Tây phương, y báo chánh báo, bốn thứ trang nghiêm, khuyên các chúng sinh, sinh về Tịnh độ. Các loài chúng sinh tuy nghe Phật pháp nhưng chướng có nặng nhẹ, ngộ có cạn sâu, nên khiến cho y theo giáo pháp có hơn kém sai biệt. Có một loại chúng sinh, tuy nghe Tịnh giáo, nhưng hủy báng chê bai, chẳng những không sinh Tây phương mà còn bị đắm chìm trong đường ác, đây cùng với Tây phương hoàn toàn xa cách. Có một loại chúng sinh, tuy nghe Tịnh giáo, tin sâu không hủy báng, năm dục ràng buộc tâm, vui sống với cõi uế, vừa không phát nguyện, lại chẳng tu hành, người này tu thiện, hoặc sinh trời người, hoặc trở lại tạo ác, chìm đắm trong đường ác, người này vọng sinh Tây phương cũng là xa vời. Vì hoàn toàn không có tâm cầu đến, hoặc còn phỉ báng chê bai. Kinh Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác nói: “Nếu có chúng sinh nghe nói giáo pháp Tịnh độ, nghe như không nghe, trở lại sinh phỉ báng, ta nói người này chưa được giải thoát, mới từ trong đường ác đến, không có tín hướng, cũng hoàn toàn không có hạnh nguyện, nên không được giải thoát.” Có một loại chúng sinh, có túc duyên thuần thực với Phật Di-đà, nghe nói giáo môn Tịnh độ, tâm thanh tịnh kính tin, phát thệ nguyện rộng lớn, nguyện vãng sinh Tịnh độ Tây phương, càng không mong cầu quả báo trời,

người. Dù có nguyện này, nhưng người này hoặc vì nhân duyên phiền não, đắm nhiễm năm dục, hoặc lại biếng nhác buông lung, không thể tu đạo, vì gặp ác tri thức, gây ra mười nghiệp ác, hoặc khi sắp qua đời không gặp Thiện tri thức, hoặc vì thân bị bệnh nặng, cuồng loạn mất tâm, hoặc bị thất ý lâu ngày, không hiểu lời nói của người, nên không phát nguyện, chưa từng tu tịnh hạnh, tuy không vãng sinh Tịnh độ, nhưng nguyện này là sinh nhân xa, hoặc do thắng lực phát nguyện, về sau chắc chắn có thể tu hành, hoặc người khởi hạnh, chắc chắn có ý tu hành, người đó tuy chưa thể khởi hạnh, nhưng sẽ có công phu khởi hạnh.

Hai hạng người trước tức có nghĩa vãng sinh xa, nên kinh khen ngợi người này được vãng sinh Tây phương. Người ngu sẽ cho rằng liền được, không nhờ riêng tu tịnh nhân. Luận sư giải thích văn kinh này, đây là biệt thời ý, chẳng những chỉ do phát nguyện liền được vãng sinh Tây phương, mà người sau đọc luận không hiểu liền nói thực hành không được vãng sinh, đây rất là sai lầm.

Còn có một loại chúng sinh, gốc lành rất sâu dày, phiền não mỏng nhẹ, gặp được thắng duyên, nghe được Tịnh giáo, sinh lòng tin thanh tịnh, phát nguyện tu hành, khi qua đời được vãng sinh, đầy đủ như kinh nói. Đây là hành nguyện đầy đủ, liền được vãng sinh, khác với nguyện rỗng không (suông) của người kia, nên chẳng phải giáo lý biệt thời.

Phật đối với hai hạng người chưa được vãng sinh ở trước, thọ ký cho người phát nguyện thì được vãng sinh; Luận sư sợ người đồng hạnh nguyện đầy đủ liền

được vãng sinh, cho nên chia riêng người chỉ có nguyện là biệt thời ý. Nên nguyện dụ ban đầu là một đồng tiền vàng, niệm Phật tu hành là chín trăm chín mươi tám đồng tiền vàng, khoảng giữa của vãng sinh Tịnh độ là một ngàn đồng tiền vàng. Nên Nhiếp luận nói: “Nhu dùng một đồng tiền vàng để đổi, được một ngàn đồng tiền vàng.”

Còn như niệm Phật Đa Bảo, chưa hẳn đến địa vị Bất thoái. Vị Bất thoái ở thập trụ sơ tâm, khi người này đang niệm Phật Đa Bảo, hoặc là tam trước thập tín, hoặc là sơ tâm thập tín... chưa thể niệm Phật Đa Bảo liền vượt qua thập tín mười ngàn kiếp, tức đến sơ tâm thập trụ, vì khoảng giữa cần phải tu tám vạn bốn ngàn hạnh Ba-la-mật mới đến sơ tâm. Mà niệm Phật Đa Bảo cùng với hạnh bất thoái là duyên xa, nên gọi là biệt thời ý.

Trên đây đã dùng nhiều nghĩa để hiển rõ biệt thời ý, từ cửa ải phát nguyện, chẳng phải là người khởi hành, đó là Luận sư Nhiếp luận nói về ý biệt thời.

Còn văn biệt thời ý của Nhiếp luận là báo Tịnh độ chỉ nguyện niệm Phật, lý chưa sinh ngay, nếu hóa Tịnh độ chỉ nguyện niệm Phật, thì chắc chắn được sinh ngay, như kinh Hoa Nghiêm nói không nên nghi ngờ.

Hỏi: Chúng sinh vãng sinh Tịnh độ, chỉ có cõi người này mới được tu tịnh nghiệp, và được vãng sinh, có chung cho các đường khác, cũng được vãng sinh, và cuối cùng là ở trong đường u minh cũng được vãng sinh hay không?

Đáp: Trong năm đường tất cả đều có thể tu Tịnh nghiệp Tây phương, được sinh Cực lạc, xét các vị

trời đã có thể đến nghe kinh Quán. Văn sau kinh Quán có nói: “Vô lượng các vị trời, rồng, Dạ-xoa nghe Phật nói đều rất vui mừng.” Kinh Xưng Tán Tịnh Độ ví dụ trong chúng nói: “Vô lượng các vị trời v.v... vì nghe pháp, nên đều đến nghe pháp.” Nên biết tất cả muốn nguyện sinh Tịnh độ, đều có thể tu tập tịnh nghiệp, được sinh Tây phương.

Lại xét: Kinh Bồ-tát Xử Thai quyển bốn nói: “Rồng hóa sinh trì giới Bát quan trai, chim cánh vàng muốn ăn không được, bèn hỏi về pháp tu đó, rồng nói pháp Bát quan trai cho chim. Chim cánh vàng theo rồng xuống cung Hải long vương, bấy giờ rồng con lại nói bài kệ cho chim cánh vàng. Bấy giờ long tử, long nữ tâm ý khai mở, sau khi chết đều được vãng sinh về cõi nước của Phật A-di-đà.”

Lại xét: Kinh Tùy Nguyện Vãng Sinh nói: “Nếu vì người mất, mà đem những vật trang nghiêm thân, nhà cửa vườn rừng, ao tắm để cúng thí Tam bảo, thì phước này rất nhiều, năng lực công đức rất mạnh, có thể bùng được cái tai họa của địa ngục kia. Do nhân này liền hết buồn khổ, được giải thoát lâu dài, vãng sinh về các cõi Phật ở mười phương.” Lấy đây làm chuẩn để biết, chúng sinh trong năm đường đều được vãng sinh về cõi Cực lạc.

Hỏi: Thọ sinh cõi uế trong ba cõi, chỉ có hình sắc, đều thọ thân trung ấm, chết chỗ này, sinh chỗ kia, qua lại truyền thức, có bốn hữu: Trung hữu, sinh hữu, bản hữu và tử hữu, chẳng biết từ đây sinh Tịnh độ, có trung hữu không?

Đáp: Ở đây có hai cách giải thích:

Nói không có trung hữu, vì những người này qua đời liền ngồi trong hoa sen, nên biết là thuộc về sinh âm, vì vào trong hoa sen, giống như bào thai. Nay giải thích nghĩa này, chưa hẳn là như thế, vả lại như pháp thọ sinh của cõi uế, phải đến chỗ sinh kia mới thọ sinh âm, như chết ở cõi Dục sinh ở cõi Sắc, phải từ cõi Dục chết rồi thọ thân trung hữu trong cõi Sắc, đến cõi Sắc kia mới thọ sinh âm, không có ở cõi dục thọ thân sinh hữu ở cõi Sắc. Nay sinh ở Tịnh độ ý nghĩa cũng như thế, không thể chết ở cõi uế, từ ở cõi uế thọ thân sinh hữu ở Tịnh độ, phải đến trong ao báu ở Tịnh độ kia, mới thành sinh hữu thân. Lại cõi vô sắc, vô sắc có thể không có trung âm truyền thức thọ sinh, Tịnh độ hữu sắc, xứ sở đã khác, làm sao không có ở trung âm truyền thức, đến chỗ kia thọ sinh âm?

Hỏi: Nếu có trung âm, thì phải sinh chỗ kia đến trong ao báu, mới vào trong hoa ngồi, sau đó hoa mới nở, làm sao bấy giờ vào trong hoa, cũng có khác gì với sinh âm kia đâu?

Đáp: Chẳng lẽ cho trung âm vào trong hoa kia, là khiến thuộc về sinh âm kia? Sinh về Tịnh độ kia, năng lực phước đức thù thắng, tuy là trung âm, nhưng nương hoa vãng sinh, khác với cõi uế trung âm không có hoa. Tuy trung âm, sinh âm đồng ở trong hoa, nhưng hơn kém khác nhau, minh hối có khác, nên chia ra trung âm, và sinh âm khác nhau, cũng vì cõi đến sinh nghĩa khác nhau, nên chia trung âm, sinh âm khác nhau. Bất kể có hoa hay không hoa, đều chia ra trung âm, và sinh âm riêng biệt. Nếu nói đồng ở trong hoa khó có thể khác nhau, tức khiến không có trung

ấm đó cũng được. Trong cõi uế, trung ấm, sinh ấm đều không có hoa, phải nói trung ấm, và sinh ấm không khác nhau.

Nếu nói trung ấm, và sinh ấm tuy đều không hoa tức có thọ thai khác nhau là noãn sinh, thai sinh, thấp sinh. Hóa sinh và sinh ấm làm sao khác được? Vì thế mà biết có trung ấm. Còn như trung ấm ở địa ngục đã bị lửa thiêu, há không khác với sinh ấm? Ngược lại thiện nghiệp Tịnh độ giống nhau, trung sinh tương tự. Nhưng ở đây đã nói trung ấm, nhưng chưa thấy kinh luận nói Tịnh độ bỏ thân trung ấm này, chẳng phải là trung ấm, vẫn không thể quyết phán có hay không. Tuy không có văn kinh nhưng chọn nghĩa có là hơn, không như vậy thì bỏ thân nói là gì?

Hỏi: Nếu có trung ấm, thì không biết trung ấm ở Tịnh độ này có mặc y phục hay không?

Đáp: Không có văn kinh luận, nhưng chuẩn định, thì phải mặc y phục, vì luận Câu-xá nói: “Trung ấm trong cõi Dục, trừ Tỳ-kheo-ni Tiên Bạch ra, tất cả trung ấm đều không có y phục, vì trong cõi Dục có hổ thẹn hay không?” Bao nhiêu trung ấm trong tất cả cõi Sắc đều có y phục, vì có hổ thẹn; y cứ theo đây mà biết, Tịnh độ đẹp hơn cõi Sắc, nhưng thân trung ấm Tịnh độ có mặc y phục, còn trung ấm cõi Sắc vì sao không có y phục?

Hỏi: Trung ấm ở Tịnh độ có hành tướng như thế nào?

Đáp: Cũng y cứ theo nghĩa mà biết, thân trung ấm ở cõi uế sinh về cõi trời, thì chân hướng xuống dưới, đầu hướng lên trên, trung ấm địa ngục, thì đầu hướng

xuống dưới, chân ngược lên trên, người quỳ bàng sinh giống như chim bay, thân bay ngang. Nay sinh về Tịnh độ, chân hướng xuống dưới, đầu ngẩng lên trên, tức là kinh văn nói ngồi trong hoa sen, là giống nhau ở chỗ đó.

Còn giải thích khác thì nói trung âm sinh thiên, chân hướng xuống dưới, đầu ngẩng lên trên, đứng thẳng mà thọ sinh trong các đường, trung âm Tịnh độ thì ngồi mà thọ sinh vào các đường.

Hỏi: Trung âm Tịnh độ chưa đến thế giới Cực lạc, ở khoảng giữa cách mười muôn ức cõi Phật, ăn thức ăn gì?

Thích: Trung âm cõi Dục, duyên sinh chưa hiệp, trong thời gian dài thọ thân trung âm kia, nên cần phải ăn mùi hương, vì sinh ở cõi hữu. Trung âm ở Tịnh độ, trong khoảng thời gian búng ngón tay, liền được vãng sinh. Thời gian không lâu, không cần nhọc công ăn uống. Lại phải trải qua khoảng cách mười muôn ức cõi Phật, liền ở trong hư không ăn mùi cơm thơm của các cõi Phật, để giúp âm thân đi đến chỗ thọ sinh, trong đó vô lượng nghĩa, không thể nói hết.

Hỏi: Như Lai nói kinh đều là thích hợp căn cơ hóa vật, đều vì người tín hướng mà nói, không vì kẻ nghi ngờ mà nói, nên kinh Dược Sư nói: “Phật vì người tin mà thí, không vì người nghi mà nói.” Vì sao trong kinh nói có tướng lưỡi thè ra, khuyến chúng sinh tin, có khi không thè lưỡi, nhưng nói lý mầu? Lại nói pháp sâu xa, phàm phu khó hiểu, hoài nghi sinh chê bai, như nói kinh Pháp Hoa, hội hai quy một, hàng Nhị thừa không sinh tín tâm, nên Đức Phật Đa Bảo có

tháp báu để chứng thật, Phật thè lưỡi, biểu hiện sự không dối gạt, tức lời nói chân thật. Ba lần Phật trình bày cho chúng sinh tin, rồi mới nói sự thật chắc chắn. Nay kinh A-di-đà chỉ nói sự trang nghiêm của Tịnh độ, y báo và chánh báo của Tây phương, khuyên chúng sinh vãng sinh, dễ sinh chánh tín, đâu cần chư Phật trong sáu phương hay mười phương đồng thè tướng lưỡi, khuyên chúng sinh sinh tin ư?

Thích: Xét kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật tự nói hằng sa chư Phật trong mười phương thấy Phật Thích-ca Mâu-ni nói kinh Xưng Tán Tịnh Độ xong, đều ở cõi nước mình, khác miệng đồng lời cùng lúc khen ngợi rằng: “Đức Phật Thích-ca Mâu-ni có khả năng ở thế giới Ta-bà là cõi đời có năm thứ trược ác mà chúng được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, nói ra pháp mà tất cả thế gian rất khó tin này cho các chúng sinh nghe.” Phật Thích-ca Mâu-ni đã được chư Phật đồng thanh khen ngợi, Ngài bảo Xá-lợi-phất: “Ta ở trong cõi đời có năm thứ trược ác mà chúng được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, nói ra pháp mà tất cả thế gian rất khó tin này cho chúng sinh nghe, đó là việc rất khó.”

Như Lai tuy nói trăm ngàn bộ kinh, nhưng không nói “Khó nói”, chỉ có kinh Xưng Tán Tịnh Độ gồm chín trang giấy, hằng sa chư Phật và Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni, đều nói kinh này là khó tin, khó nói. Bởi vì Phật nói mười hai bộ kinh, tất cả ngoại đạo đều sinh tâm phỉ báng, còn đệ tử Phật, đều phát tín tâm. Nay nói: Kinh A-di-đà, ý nói chúng sinh có gốc tội năm nghịch, mười ác, chỉ cần niệm Phật, cũng sinh về Tịnh

độ. Tuy đệ tử Phật tín hướng điều đó, cũng sinh nghi ngờ, không tin lời này. Hiện thấy thời nay bốn bộ chúng đều có chánh tín, còn nghi niệm Phật không được vãng sinh, nên biết kinh này, rất khó sinh tín, bậc Nhất-thiết-chủng-trí biết trước, vị lai có chúng sinh này, sinh nhiều hoài nghi, nên đồng thè tướng lưới, tiêu biểu pháp rất thật, khuyên nên tu học.

Lại vãng sinh Tịnh độ, bậc Bồ-tát Tam hiền giải hạnh trở lên, hoặc Long Thọ... được sinh Tây phương, phàm phu cực ác cũng sinh chánh tín, thấy người phước nhiều tội ít, được sinh Tịnh độ, có gì đáng làm lạ? Phàm phu năm nghịch mười ác, từ một niệm đến mười niệm chí thành triệt để, nhờ bản nguyện của Phật, cũng được sinh Tây phương, hàng Bồ-tát Tam hiền Thập địa cũng tin việc này, không khởi tâm nghi, chỉ nói hạ phẩm hạ sinh, năm nghịch mười ác, như người ngu này, không điều ác nào không làm, gặp Thiện tri thức, dạy xưng danh hiệu Phật, đủ mười niệm, liền sinh Tịnh độ.

Chúng sinh mười ác này, không tin niệm Phật được sinh Tịnh vực, chúng ta đã là phàm phu tội ác, từ vô thỉ đến nay lỗi này đều phạm, niệm Phật mười niệm có công đức gì, mà khiến tội nặng chúng ta được trừ diệt, vãng sinh thế giới Cực lạc Tây phương? Đây chỉ là lời Phật tiếp dẫn, hoặc là nói xa thành nói gần, hoặc là pháp ở giai đoạn thứ hai, hoặc nói biệt thời ý, nhiều cách hiểu khác nhau không tin vãng sinh ngay, lừa dối huỷ báng rất nhiều, tin thuận rất ít, cho nên lời dạy này người tin rất ít, chư Phật hiện tướng lưới rộng dài che khắp cõi Tam thiên để chứng minh pháp không

sai lầm, chắc chắn được sinh, hộ niệm người tu hành, được sinh Tịnh độ.

Hỏi: Như kinh Hoa Nghiêm nói: “Chư Phật bình đẳng, đều đầy đủ tất cả hạnh, tất cả nguyện, mới thành Chánh giác, hiệu là Lương Túc Tôn.” Nay kinh Dược Sư chỉ nói Phật Dược Sư Lưu Ly Quang khi còn hành đạo Bồ-tát, phát mười hai đại nguyện, kinh Vô Lượng Thọ và kinh Bi Hoa nói Phật A-di-đà khi phát tâm Bồ-đề và hành hạnh Bồ-tát phát bốn mươi tám thế nguyện rộng lớn, khác với văn kinh Hoa Nghiêm là có ý gì?

Đáp: Ý của hai kinh này, đều căn cứ một nghĩa, cũng không trái nhau. Căn cứ thật mà luận, thì tất cả chư Phật đều có đủ tất cả diệu nguyện thù thắng, không có thêm bớt, nếu có một nguyện không tròn, một hạnh không đủ, thì không đắc đạo, và thành Chánh giác, gọi là bậc Nhất thiết trí. Công đức chư Phật có lỗi không bình đẳng, kinh Duy-ma nói: “Chư Phật Như Lai công đức thảy đều bình đẳng.” Nhưng kinh Dược Sư nói mười hai nguyện, kinh Vô Lượng Thọ nói bốn mươi tám nguyện, đây là nói theo căn cơ giáo hóa. Chư Phật giáo hóa chúng sinh đều y cứ vào chúng sinh có duyên tiếp dẫn, có duyên với Phật, phải y theo bốn nguyện của Như Lai, Như Lai giáo hóa dắt dẫn các phẩm đều mang theo nguyện vọng lớn là giáo hóa chúng sinh, chư Phật vốn phát tâm Bồ-đề, tức trụ ở tâm rộng lớn, có bao nhiêu cõi chúng sinh, ta đều giúp họ diệt độ bằng cách nhập vào Niết-bàn vô dư nhưng thế giới chúng sinh có vô biên vô số, Bồ-tát mới phát tâm, cuối cùng thành Phật, A-tăng-kỳ kiếp có sơ có mạt, ở trong hành hạnh Bồ-tát, thành Đẳng Chánh

giác, không thể trùm khắp tất cả, chúng sinh đều thấy Bồ-tát tu hành cúng dường, Bồ-tát không thể giáo hóa làm lợi ích khắp thế giới chúng sinh, thế giới chúng sinh chưa cùng tận, Bồ-tát đã thành Phật, tâm tuy rộng lớn nhưng sự tức khó chu toàn.

Nhưng ở nhân địa chúng sinh đối với mười hai nguyện mà Phật Dược Sư Lưu Ly Quang đã phát, chí thành ân trọng, nguyện đó nay đã thuần thực; Phật A-di-đà vốn phát bốn mươi tám thế nguyện rộng lớn, chí thành ân trọng, nguyện đó cũng thuần thực. Tuy hai Phật kia và đây đều có trần sa các nguyện, nhưng đối với căn cơ giáo hóa, thì nghiêng về biệt nguyện, chúng sinh đối với mười hai đại nguyện của Dược Sư Phật vốn đã thuần thực, Phật Dược Sư tuy có bốn mươi tám thế nguyện rộng lớn, nhưng căn cơ chúng sinh chưa thuần thực, nên Phật nêu riêng mười hai nguyện. Bốn mươi tám nguyện của Phật A-di-đà, ngài nghiêng về căn cơ thuần thực, tuy có mười hai nguyện, Phật cũng không nói. Thí như thuốc trong kho của y vương, tuy đủ loại cỏ thuốc, nhưng đối với người bệnh nóng, lạnh, thổ tả, khác nhau, thì cho toa cũng khác nhau.

Trong tủ thuốc thầy thuốc chỉ chọn ngay gốc bệnh, lấy năm ba vị xây nát trộn lại, hoặc tán, hoặc viên, cho người bệnh uống, không được dùng thiếu số thuốc, không theo lời thầy thuốc, dù thuốc trong kho đủ loại nhưng không thể đem hết cho một bệnh, huống chi hòa hợp các thuốc thang, dùng đủ tất cả các thứ thuốc lạnh, nóng. Phật cũng giống như thế, như kinh Hoa Nghiêm thật có đủ các nguyện, tất cả đều bình đẳng, giống như thuốc trong kho của thầy thuốc, hoặc nói

mười hai nguyện của Đức Phật kia, hoặc nói bốn mươi tám nguyện của Đức Phật này, như đối với người bệnh cho toa thuốc, cho nên hai kinh này không trái nhau.

Hỏi: Chúng sinh vãng sinh tu tịnh nghiệp, có tướng mạo biết mình được vãng sinh Tây phương, có Thánh giáo nào chứng biết tướng này không?

Thích: Có ba Thánh giáo, chứng minh được sinh, dùng giáo để xét nghiệm người, tức là chứng.

Như kinh Xưng Tán Tịnh Độ nói rằng: “Đối với thế giới tạp nhiễm kham nhẫn có năm thứ trược ác này, nếu có người nam, người nữ có lòng tin thanh tịnh, nghe nói pháp tất cả thế gian khó tin như thế, mà tin hiểu, thọ trì, giảng nói, đúng như lời dạy tu hành, thì phải biết người này làm được việc ít có, đã từng gieo trồng gốc lành với vô lượng Đức Phật, khi qua đời chắc chắn họ sẽ vãng sinh về thế giới Cực lạc.”

Như kinh Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác nói: “Nếu người nghe nói giáo môn Tịnh độ, khắp mình nổi ốc, ta nói người này chắc chắn sẽ được giải thoát.”

Như kinh Hiền Hộ quyển một nói: Chúng sinh học được Tam-muội của chư Phật hiện tiền, nghe lời dạy của A-di-đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác mà buộc tâm, tư duy nối nhau, thứ lớp không rời loạn, nhìn kỹ Đức Phật A-di-đà kia, Bồ-tát này tư duy, thành tựu đầy đủ Tam-muội hiện tiền của chư Phật, nhờ Tam-muội này mà được thấy Phật, liền bạch hỏi Phật A-di-đà rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Các Bồ-tát thành tựu pháp nào, mà được sinh về cõi Phật này?

Bấy giờ, Đức Phật nói rằng:

- Nếu người phát tâm sâu xa sẽ sinh về cõi này, thường phải buộc tâm, chánh niệm nói nhau, liền được vãng sinh về cõi Phật A-di-đà.

Hành giả tự xem ba bộ kinh này, hễ có bất cứ kinh nào tương ưng với mình, thì biết được sinh Tịnh độ.

Hỏi: Như các vị trời cõi Sắc ở cõi uế này không có buồn khổ, chỉ có an vui, vậy có hơn kém thế nào với cõi Tịnh độ kia, mà nguyện sinh Tịnh độ, không thích sinh các tầng trời cõi Sắc?

Đáp: Các tầng trời cõi Sắc tuy không có buồn khổ, chỉ có an vui, nhưng chẳng phải Cực lạc, cuối cùng cũng có thọ khổ, nên người tu hành không muốn sinh về, tóm lại, dùng tám nghĩa để hiểu rõ chẳng phải Cực lạc:

1. Trên không có vui vắng lặng.
2. Dưới rơi vào vòng khổ.
3. Không có bậc Thánh để quy y.
4. Không nghe chánh pháp.
5. Có các vị định.
6. Hoặc tà kiến tăng thêm.
7. Ba tai phá hoại.
8. Tám nạn thành thân.

- Trên không có vui vắng lặng: Cái vui vắng lặng của đại Niết-bàn, chúng sinh phàm phu kia không thể khắc chứng.

- Dưới rơi vào vòng khổ: Sinh cõi Sắc, Vô sắc, thọ báo hết rồi, nghiệp cõi dục đã thuần thực, trở lại sinh xuống phương dưới.

- Không có bậc Thánh để quy y: Cõi Sắc tuy có năm tầng trời Tịnh cư nhưng đâu thể so với Tây

phương, có nhiều bậc BỔ xứ?!

- Không nghe chánh pháp: Các tầng trời cõi Sắc kia đâu có chư Phật, Bồ-tát, nước, chim, cây, rừng, ngày đêm sáu thời thường nói pháp mầu.

- Có các vị định: Trong chúng sắc kia tuy có tịnh định, nhưng phần nhiều là các vị định, vì nó xen tạp, tăng thêm phiền não, Tịnh độ thì không như thế.

- Hoặc tà kiến tăng thêm: Sinh cõi sắc, thông với các ngoại đạo, có sinh tà kiến, lại thọ vô tướng báo, sẽ sinh tận tâm, sinh phỉ báng Thánh Niết-bàn, rơi vào địa ngục.

- Cảnh ba tai phá hoại: Tam thiên trở xuống, thì Sơ thiên lần lượt bị một là nước, hai là lửa, ba là gió làm hư hoại, Tịnh độ thì không có.

- Tám nạn thành thân: Cõi Sắc, Vô sắc, tuy không có buồn khổ, nhưng trong tám nạn, thuộc về nạn trời Trường thọ.

Đủ tám nghĩa này, tuy có an vui, nhưng cuối cùng vẫn chìm trong biển khổ, nên vui chẳng phải là Cực lạc, cùng với Tịnh độ kia hơn kém khác nhau, nên người vãng sinh không nguyện sinh về cõi Sắc. Một khi đã sinh về Tịnh độ thì cuối cùng không lui sụt.

Hỏi: Nguyện sinh Tịnh độ, các người tu hành, hoặc trì trai giới một ngày một đêm, hoặc lại hiếu dưỡng cha mẹ, nếu không dùng nghiệp này nguyện vãng sinh thì sẽ chiêu cảm quả báo trời, người. Tuổi thọ ở cõi Diêm-phù không quá trăm năm, cõi trời tức trời lục dục, tuổi thọ cao nhất là một vạn sáu ngàn tuổi. Nếu nay hồi hướng giới hạnh này nguyện sinh Tịnh độ, do thiện nhân này có thọ mạng là vô lượng vô biên A-

tăng-kỳ kiếp. Nhân giới không khác nhau, hơn kém không khác nhau, thọ báo vì sao dài ngắn khác biệt?

Đáp: Nghĩa này rất sâu khó thể giải thích. Kinh nói nghiệp lực không thể nghĩ bàn, chỉ biết tín ngưỡng thì khó thể được độ. Nay đáp thẳng rằng: Tuy vẫn một ngày một đêm trai giới, không có khác nhau, nhưng do tâm thọ giới có chỗ hơn kém, do tâm có trên dưới, nên giới thành ra sai biệt.

Nếu dùng tâm nguyện cầu sinh Tịnh độ, tâm cầu thẳng quả, thì giới thành diệu nhân, cảm được tuổi thọ lâu dài của Tây phương kia; nếu nguyện sinh trời, người thì tâm chẳng phải thù thắng, thuận dòng sinh tử, thêm lớn nghiệp hữu lậu, nên chiêu cảm quả báo mạng sống không dài lâu. Nên giới tuy đồng, nhưng do duyên phát giới khác nhau nên thành nghiệp cảm có hơn kém, cảm thọ quả báo có dài ngắn khác nhau. Lại giới nhân tuy bình đẳng, nhưng niệm nguyện có khác, duyên thắng trợ giúp nhân bèn sinh Tịnh độ. Và như phần đoạn, báo nghiệp biến dịch tuy đồng, nhưng ái nguyện thâm nhuần khác nhau, nên quả thành hơn kém. Ở đây cũng giống như thế, sao lại lao nhọc mà sinh ra hoặc?

Hỏi: Nếu mong tâm nguyện sinh Tịnh độ, thì tâm thành thượng phẩm, giới thành thắng nhân, có thể chiêu cảm tuổi thọ lâu dài. Nếu tâm mong cầu sinh lên cõi trời mà thọ giới, cho đến suốt ngày, nguyện sinh Tây phương, thì công đức thọ giới vô tác trước kia chiêu cảm quả báo Tịnh độ, làm sao có thể chiêu cảm mạng căn trong A-tăng-kỳ được?

Đáp: Các nghiệp bất định, hoặc chuyển nặng thành

nhẹ, hoặc dài thâu thành ngắn, đủ như kinh nói, không thể nói đủ. Hành giả tuy thọ giới vốn nguyện sinh lên cõi trời, sau gặp thắng duyên, quay về cầu sinh Tịnh độ, hành tuy yếu kém, về sau nguyện mạnh, giúp cho giới phẩm trước chuyên tăng thêm thù thắng, hợp với nguyện Phật, thọ mạng lâu dài A-tăng-kỳ kiếp. Nếu xả phước hạnh, thực hành mạng hạnh, dù có tiền của dồi dào nhưng nhiều bệnh mạng ngắn, xả vật nhập định, bỏ nghiệp y bát, kéo mạng căn kia tăng thêm lâu dài. Phật lực, pháp lực, nguyện lực, nghiệp lực, không thể suy nghĩ bàn luận, phạm phu chẳng thể đo lường được.

Hỏi: Niệm Phật A-di-đà sinh về cõi nước Phật A-di-đà, đang tương ứng với nguyện Phật, vãng sinh có thể được, vì sao nhờ nghe danh hiệu Phật Dược Sư mới sinh Tây phương?

Đáp: Theo kinh Dược Sư nói: “Nếu hàng bốn chúng đệ tử thường tu lục trai, hoặc ngày đêm tinh cần, nhất tâm khổ hạnh, nguyện sinh về cõi nước Phật A-di-đà ở Tây phương, nhớ nghĩ ngày đêm từ một ngày đến bảy ngày, hoặc lại hồi hận trung gian, nghe ta nói công đức bản nguyện của Phật Dược Sư Lưu Ly Quang, hết đời mình, muốn ngày qua đời, có tám vị Bồ-tát đón rước tinh thần người đó được sinh Tịnh độ.” Vì người này ban đầu nguyện sinh về Tây phương, sau hồi hận tu hạnh trước, vì có cái chướng hồi hận, nên không được vãng sinh, nghe danh hiệu Phật Dược Sư, chướng ngại do hồi hận tiêu diệt, sai tám vị Bồ-tát đến đón người đó sinh về thế giới Cực lạc. Điều này nêu rõ Phật Lưu Ly Quang đã giúp diệt các chướng, thành tựu Tây nghiệp, thương xót chúng

sinh mà khiến cho được sinh và cũng do lực công đức có được do trước đây trì giới tinh cần, tu nghiệp Tây phương, không trái với nghĩa sinh về Tây phương. Nếu không được nghe danh hiệu Phật Dược Sư, có tâm hồi hận thì không vãng sinh Tịnh độ. Nếu không hồi hận thì người đó suốt ngày tự phải niệm danh hiệu Phật Di-đà, đâu cần bỏ hiệu Phật Tây phương mà không xưng danh, mượn danh hiệu Phật Đông phương cầu sinh An dưỡng?

Hỏi: Theo kinh Pháp Hoa, kinh Duy-ma-cật, thì phương này đã có Tịnh độ, sao phải cầu Tây phương xa xôi làm gì?

Thích: Tuy có Thánh giáo nói ở cõi này đã có Tịnh độ, đồng xứ đồng thời không chướng ngại nhau, nhưng (trong) Duy-ma, (Phật) chân ấn xuống đất, tuy hiện Tịnh độ, trong kinh Pháp Hoa tuy nói (Phật) thường ở núi Linh thú và các trụ xứ khác, mà hai kinh này đến phẩm cuối cùng hoàn toàn không thấy chỗ nào khuyến vãng sinh về (các) cõi nước đó, đâu được cho rằng có lời nói về cõi Tịnh, liền nói rằng tôi sinh về nước đó ư? Xét kỹ nghĩa đó, e lý không đúng.

Hỏi: Tịnh độ sở hiện là khuyến vãng sinh; không khuyến sinh, thì đâu cần phải hiện?

Đáp: Ở đây hiện Tịnh độ, tự vì lợi ích riêng, lợi ích riêng là gì? Như Tịnh độ mà Duy-ma-cật đã hiện, là trừ nghi cho Xá-lợi-phất “Tâm tịnh tức cõi Phật tịnh”, khiến người đó thấy cõi Tịnh làm sáng tỏ Thánh giáo. Lại vì Bảo Tích... nhân thấy Tịnh độ, được Vô sinh nhẫn; còn kinh Pháp Hoa hiện nhất thừa là diệu, Nhị thừa là Thô. Trước ướ sau tịnh, tự vì thị hiện sự lợi

ích này, chẳng quan hệ đến khuyên chúng sinh vãng sinh, hiện ở Tịnh độ. Do công đức trong ngoài của Tịnh độ Cực lạc thù thắng hơn các phương khác, nên chúng sinh sinh về hạ phẩm cũng không lui sụt, huống gì các phẩm thù thắng khác. Chư Phật Tịnh độ khác không nói việc này, nên khuyên vãng sinh, không phải nói phương này hoàn toàn không có Tịnh độ.